TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS - ST
Ngày: 12/5/2023
V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm cá
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đồng Ngọc Huyền.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Vũ Văn Quảng.
Ông Phạm Mã Siêu.
- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Phương Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1, tỉnh T2 tham gia phiên toà: Ông Phạm Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 12/5/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 25/2022/TLST- DS ngày 17/10/2022 về tranh chấp "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-DS ngày 22/2/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 22/03/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 10A/2023/QĐST-DS ngày 20/4/2023 giữa :

* Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân NH
Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Quốc C, Giám đốc
Địa chỉ: Thôn HT, xã NH, huyện T1, tỉnh T2.
* *Bị đơn*: Bà Đỗ Thị V, sinh năm 1985
Địa chỉ: Thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2.
* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Đào Văn Th, sinh năm 1982
Địa chỉ: Thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2.
(Ông C có mặt tại phiên tòa; bà V, ông Th vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân NH, người đại diện theo pháp luật ông Trịnh Quốc C trình bày:

Bà Đỗ Thị V có quan hệ vay vốn với Quỹ tín dụng nhân dân NH theo Hợp đồng tín dụng số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018. Loại vay: Ngắn hạn. Số tiền cho vay: 120.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 120.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian trả nợ cuối cùng: 04/5/2020. Mục đích vay: Phát triển kinh tế gia đình. Lãi suất trong hạn là 0,93%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,39%/tháng.

Tài sản bảo đảm tiền vay là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017, cụ thể: Quyền sử dụng đất diện tích 490m^2 và công trình nhà ở gắn liền với đất trên diện tích đất 490m^2 tại thửa số 2848 tờ bản đồ 05; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG 470190; số vào sổ cấp GCN: CH02184 do UBND huyện T1 cấp ngày 16/01/2012; địa chỉ tài sản tại thôn Đông Hào, xã NH, huyện T1, tỉnh T2;chủ sở hữu tài sản trên là ông Đào Văn Th và bà Đỗ Thi V. Hồ sơ tài sản bảo đảm đầy đủ tính pháp lý. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng, tài sản đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Đỗ Thị V đã trả được cho Quỹ tín dụng số tiền nợ gốc đến ngày 02/6/2020 là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 22.500.000 đồng. Sau ngày 02/6/2020 bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân NH theo như cam kết đã thỏa thuận. Quỹ tín dụng nhân dân xã NH đã nhiều lần đôn đốc yêu cầu bà V, ông Th trả nợ cho Quỹ tín dụng nhưng bà V, ông Th không thực hiện nghĩa vụ trả nợ và bỏ nhà đi sinh sống ở nơi khác không rõ địa chỉ và Quỹ tín dụng cùng không liên lạc được.

Nay Quỹ tín dụng nhân dân NH đề nghị Tòa án giải quyết các nội dung sau:

1. Buộc bà Đỗ Thi V phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ Quỹ tín dụng nhân dân NH toàn bộ số nợ gốc, số tiền lãi trong hạn, số tiền lãi phạt qúa hạn, phí và các chi phí liên quan khác theo Hợp đồng tín dụng 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 đến khi thanh toán xong khoản nợ. Cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc là: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).

- Lãi trong hạn là: 37.882.600 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng).

- Lãi quá hạn tính đến ngày 12/5/2023 là: 18.884.000 đồng (mười tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng)

Tổng số tiền bà V phải trả cho Quỹ tín dụng nhân dân NH là 166.766.600 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

2. Trường hợp bà Đỗ Thi V không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trên thì Quỹ tín dụng nhân dân NH đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 để thu hồi nợ.

Bị đơn bà Đỗ Thị V vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn Th vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản làm việc ngày 14/12/2022 ở Trụ sở Công an xã NH của Tòa án nhân dân huyện T1 cùng ông Lê Đức D - Phó Trưởng Công an xã NH và ông Nguyễn Văn C - Công an viên xã NH có nội dung như sau: Tòa án nhân dân huyện T1 về gia đình ông Đào Văn Th và bà Đỗ Thị V tại thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 nhiều lần. Tuy nhiên bà Đỗ Thị V, ông Đào Văn Th, bà Phạm Thị Th (mẹ đẻ ông Th) đều vắng mặt tại nhà vì vậy Tòa án không tiến hành lấy lời khai của đương sự được.

Tại biên bản xác minh ngày 14/12/2022 ở trụ sở Ủy ban nhân dân xã NH, Ủy ban nhân dân xã NH, huyện T1, tỉnh T2 cung cấp như sau: Bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th có hộ khẩu thường trú tại thôn Đông Hào, xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Ngày 04/5/2018 gia đình bà V, ông Th có vay vốn Quỹ tín dụng nhân dân NH số tiền 120.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018. Tài sản đảm bảo tiền vay theo Hợp đồng số 20170100079 ngày 07/2/2017. Tuy nhiên đến thời điểm hiện tại gia đình bà V, ông Th đã chậm trả Quỹ tín dụng nhân dân NH. Nay Quỹ tín dụng nhân dân NH khởi kiện bà V, ông Th quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản thế chấp của bà V và ông Th là nhà và đất tại thôn Đông Hào, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 chưa làm thủ tục chuyển nhượng cho ai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T1 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành pháp luật, có mặt đầy đủ theo giấy triệu tập của Tòa án, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng nhưng không có mặt tại Tòa án để làm việc, chưa chấp hành các quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân NH. Buộc bà V phải trả cho Qũy tín dụng số tiền nợ gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng.

Trường hợp bà V không trả được nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng được quyền đề nghị cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành kê biên phát mại tài sản bảo đảm gồm Quyền sử dụng đất và tài sản trên đất theo Hợp đồng thế chấp số số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 để thu hồi nợ.

Về án phí: Bà Đỗ Thị V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Quỹ tín dụng nhân dân NH là tổ chức tín dụng, bà Đỗ Thị V, ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Ngân hàng, tuy nhiên mục đích vay của bà V, để phục vụ tiêu dùng, sinh hoạt trong gia đình không vì mục đích lợi nhuận. Do vậy, đây là tranh chấp dân sự về hợp đồng. Bị đơn cư trú tại huyện T1, tỉnh T2, theo quy định tại khoản 3 điều 26, điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" giữa Quỹ tín dụng nhân dân NH với bà Đỗ Thị V thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2.

[1.2] Bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th hiện tại không có mặt tại Thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 .Chính quyền địa phương không biết địa chỉ cụ thể của bà V, ông Th. Tòa án và chính quyền địa phương đã nhiều lần đến nhà nhưng cũng không gặp được mẹ đẻ ông Th là bà Phạm Thị Th. Tuy nhiên tại thời điểm bà V ký hợp đồng tín dụng vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân NH thì trong Hợp đồng bà V cấp địa chỉ cũng như tài liệu là sổ hộ khẩu thể hiện thôn DH, xã NH, huyện T1, tài sản thế chấp của bà V, ông Th nằm tại thôn DH, xã NH, huyện T1. Khi bà V, ông Th thay đổi nơi cư trú đã không thông báo cho Quỹ tín dụng nhân dân NH biết về nơi cư trú mới của mình theo quy định tại khoản 3 điều 40 và điểm b khoản 2 điều 277 Bộ luật dân sự. Như vậy bà V, ông Th đã cố tình giấu địa chỉ của mình. Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện T1 tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Bà V, ông Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, căn cứ vào khoản 3 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung:

[*2.1*] *Về yêu cầu khởi kiện đòi tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn của Quỹ tín dụng nhân dân NH.*

Xét thấy, bà Đỗ Thị V có vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân NH số tiền là 120.000.000 đồng (Một trăm hai mươi triệu đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018. Loại vay: Ngắn hạn. Số tiền cho vay: 120.000.000 đồng. Số tiền giải ngân: 120.000.000 đồng. Thời hạn cho vay: 24 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Thời gian trả nợ cuối cùng: 04/5/2020. Mục đích vay: Phát triển kinh tế gia đình. Lãi suất trong hạn là 0,93%/tháng, lãi suất quá hạn là 1,39%/tháng.

Việc bà V ký kết Hợp đồng tín dụng để vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân NH là hoàn toàn tự nguyện, lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng và hai khế ước nhận nợ là phù hợp với quy định của pháp

luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng cho vay số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 là hợp pháp.

Bà Đỗ Thị V đã trả được Quỹ tín dụng nhân dân NH số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tiền lãi là 22.500.000 đồng. Sau ngày 02/6/2020 Bà V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng theo như cam kết đã thỏa thuận.

Hạn trả nợ cuối cùng theo Hợp đồng tín dụng số số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 là ngày 04/5/2020, vì vậy bà Đỗ Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng. Vì vậy, yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân NH về việc buộc bà Đỗ Thị V phải trả số tiền nợ gốc còn lại là 110.000.000 đồng (Một trăm mười triệu đồng) là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Về tiền lãi trong hạn: Quỹ tín dụng nhân dân NH yêu cầu bà Đỗ Thị V phải trả lãi trong hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm theo Hợp đồng tín dụng số số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 với số tiền là 37.882.600 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng). Xét thấy bà Đỗ Thị V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong Hợp đồng nên việc Quỹ tín dụng tính lãi trong hạn đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ, phù hợp với Hợp đồng tín dụng và quy định của Luật các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Về tiền lãi quá hạn: Quỹ tín dụng nhân dân NH chỉ tính lãi quá hạn đối với số tiền nợ gốc mà các bên đã phân kỳ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng số số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 với tổng số tiền là 18.884.000 đồng (Mười tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng) đến ngày 12/5/2023 mà không tính tiền lãi quá hạn của tổng số tiền nợ gốc chưa trả. Việc thỏa thuận của các đương sự trong Hợp đồng tín dụng là tự nguyện, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng. Nên việc tính lãi quá hạn của Ngân hàng được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại thời điểm ký hợp đồng vay vốn với Quỹ tín dụng, bà Đỗ Thị V là người đứng tên ký hợp đồng, ông Đào Văn Th là chồng bà V tuy không đứng tên ký hợp đồng nhưng ông Th cũng thừa nhận ký vào người thừa kế. Khoản vay của bà V tại Quỹ tín dụng nhân dân NH nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình bà V. Vì vậy, theo quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình, bà V và ông Th phải có trách nhiệm liên đới đối với nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng đối với khoản vay này. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 289 Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th phải có nghĩa vụ liên đới trả tổng số tiền nợ gốc 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng) bà V còn nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân NH; tiền lãi trong hạn đến ngày xét xử 12/5/2023 là: 37.882.600 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng); tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử 12/5/2023 là: 18.884.000 đồng (mười tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng).

[*2.2*]. *Về yêu cầu của Quỹ tín dụng nhân dân NH về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017.*

Để đảm bảo khoản tiền vay theo Hợp đồng cho vay số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018. Bà Đỗ Thị V, ông Đào Văn Th đã ký Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 để thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu và sử dụng của bà V, ông Th gồm: Diện tích đất ở 400m^2 tại thửa đất số 2848, tờ bản đồ số 05, đo đạc năm 1990 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG470190 ngày 16/01/2012 mang tên ông Đào Văn Th và bà Đỗ Thị V và tài sản gắn liền với đất tại thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2.

Tại biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 21/02/2023, tài sản thế chấp được thể hiện như sau: Đất có diện tích 490m^2 (trong đó có 400m^2 đất ở nông thôn và 90 m^2 đất trồng cây lâu năm , đất trồng cây lâu năm hết hạn năm 2013) tại thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2. Đất có tứ cận như sau: Đông giáp giao thông, dài 28,4m; Tây giáp thửa 2849 dài 26,7m; Nam giáp thửa 2845 dài 18,5m; Bắc giáp thửa 2834 dài 19,7m. Trên diện tích đất xây dựng ngôi nhà mái bằng 02 tầng, công trình phụ khép kín. Qua xác minh tài sản thế chấp không có biến động trong quá trình sử dụng.

Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp đều thuộc quyền sở hữu và sử dụng của vợ chồng bà V, ông Th và không có sự biến động trong quá trình sử dụng, các nội dung trong hợp đồng thế chấp phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 có hiệu lực pháp luật. Hết thời hạn trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà V không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Quỹ tín dụng. Vì vậy, yêu cầu của Quỹ tín dụng về việc đề nghị Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc quyền sở hữu, sử dụng bà V, ông Th tại thôn Đông Hào, xã NH, huyện T1, tỉnh T2 là phù hợp với quy định tại các Điều 299, 318 và 323 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được chấp nhận.

[3]. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Theo quy định tại điều 157 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà V, ông Th phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng). Số tiền này Quỹ tín dụng đã nộp tạm ứng, bà V, ông Th có trách nhiệm hoàn trả số tiền 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) cho Quỹ tín dụng nhân dân NH.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Thị V, ông Đào Văn Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật là (166.766.600 đồng x 5%) = 8.338.330 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng). Số tiền tạm ứng án phí Quỹ tín dụng đã nộp được trả lại.

[5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 299, Điều 318, Điều 323, Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015. Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010. Khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng. Điểm a khoản 1 điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 điều 192 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Điều 7, khoản 1 Điều 12, khoản 1 Điều 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân NH về việc yêu cầu bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân NH số tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn.

Buộc bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th phải liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân NH các khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 2018.201.00013 ngày 04/5/2018 cụ thể như sau:

- Số tiền nợ gốc là: 110.000.000 đồng (một trăm mười triệu đồng).
- Lãi trong hạn là: 37.882.600 đồng (Ba mươi bảy triệu tám trăm tám mươi hai nghìn sáu trăm đồng).
- Lãi quá hạn tính đến ngày 12/5/2023 là: 18.884.000 đồng (mười tám triệu tám trăm tám mươi tư nghìn đồng)

Tổng số tiền bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th phải liên đới trả cho Quỹ tín dụng nhân dân NH là 166.766.600 đồng (một trăm sáu mươi sáu triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm đồng).

“ Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật”.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th không liên đới trả nợ cho Quỹ tín dụng thì Quỹ tín dụng nhân dân NH có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp của bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 20170100079/HĐTC ngày 07/02/2017 để thu hồi nợ gồm: Diện tích đất ở 400m^2 tại thửa đất số 2848, tờ bản đồ số 05, đo đạc năm 1990 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BG470190 ngày 16/01/2012 mang tên ông Đào Văn Th và bà Đỗ Thị V và tài sản gắn liền với đất là nhà ở hai tầng cùng công trình phụ khép kín tại thôn DH, xã NH, huyện T1, tỉnh T2

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th có trách nhiệm hoàn trả số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đồng (Năm triệu đồng) cho Quỹ tín dụng nhân dân NH.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị V và ông Đào Văn Th phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 8.338.330 đồng (Tám triệu ba trăm ba mươi tám nghìn ba trăm ba mươi đồng). Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân NH số tiền 3.675.000 đồng (Ba triệu sáu trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0002509 ngày 17/10/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1, tỉnh T2.

" *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự".*

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

Nơi nhận:
- VKSND huyện T1;
- Phòng KTNV và THAHS TAND tỉnh;
- Chi cục THADS huyện T1;
- Các đương sự;
- Lưu